

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7- THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ các điều 212, 213 và 397 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các điều 55, 57, 81, 82, 83, 84, 110 và 116 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ các điều 357 và 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 271/2026/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 02 năm 2026 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Bà Nguyễn Lê U, sinh năm 2003

Địa chỉ cư trú: Số D đường T, khu phố B, phường Thới An, TP. Hồ Chí Minh.

- Ông Nguyễn Văn Ch, sinh năm 1993

Địa chỉ cư trú: Thôn V, xã N, tỉnh Q

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Hôn nhân giữa bà Nguyễn Lê U và ông Nguyễn Văn Ch là hôn nhân tự nguyện và hợp pháp, được pháp luật công nhận theo Giấy chứng nhận kết hôn số 24 ngày 05 tháng 4 năm 2024 của xã H, huyện L, tỉnh Q.

[2] Theo đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự ngày 26/01/2026 và tại biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 04/3/2026, bà U và ông Ch yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Về con chung: Có 01 người con chung tên Nguyễn Văn Đăng Kh, sinh ngày 22 tháng 8 năm 2024. Hai bên thỏa thuận, ông Ch là người trực tiếp nuôi

dưỡng con chung đến tuổi trưởng thành. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho bà Ucho đến khi ông Ch có yêu cầu.

Tài sản chung bà U và ông Ch không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Tòa án đã hòa giải đoàn tụ nhưng không thành. Xét thấy, bà U và ông Ch thật sự tự nguyện ly hôn, đã thỏa thuận về việc trông nom, nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục con trên cơ sở bảo đảm quyền lợi chính đáng của vợ và con. Tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

Về quan hệ vợ chồng: Bà Nguyễn Lê U và ông Nguyễn Văn Ch thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 24 ngày 05/4/2024 do Ủy ban nhân dân xã H, huyện L, tỉnh Quảng Trị (Nay là ủy ban xã Nam Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị) cấp cho bà Nguyễn Lê U và ông Nguyễn Văn Ch hết hiệu lực.

Về con chung: Có một con chung tên Nguyễn Văn Đăng Kh, sinh ngày 22/8/2024. Hai bên thỏa thuận, ông Nguyễn Văn Ch là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến tuổi trưởng thành, bà U được tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho đến khi ông Ch có yêu cầu.

Bà U có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở, tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trên cơ sở lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ; người thân thích; Cơ quan quản lý nhà nước về gia đình; Cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em; Hội Liên hiệp Phụ nữ, có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi. Việc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Các bên có thể thỏa thuận thay đổi phương thức cấp dưỡng, tạm ngừng cấp dưỡng trong trường hợp người có nghĩa vụ cấp dưỡng lâm vào tình trạng khó khăn về kinh tế mà không có khả năng thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà U và ông Ch không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Bà Nguyễn Lê U và ông Nguyễn Văn Ch mỗi người phải chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) và được cân trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) bà U và ông Ch đã đóng tạm ứng lệ phí theo biên lai thu số 0010485 ngày 04/02/2026 của Thi hành án dân sự TP. Hồ Chí Minh. Bà U và ông Ch đã nộp đủ lệ phí.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 –TP.
Hồ Chí Minh;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng kết hôn;
- Phòng Thi hành dân sự Khu vực 7 – TP.
Hồ Chí Minh;
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Đã ký

Lê Thị Thành Huế